**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG**

**Số:……………. /HĐKT**

**V/v: ………………………………………………………………**

- Căn cức Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;

- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội;

- Căn cứNghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định……….

Hôm nay, ngày …… tháng ……. năm 202….. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A): Trường Đại học Kinh tế Nghệ An**

Địa chỉ: Số 51, đường Lý Tự Trọng, khối 12, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 02388 692 096

Tài khoản: 3714.0.1068849 tại KBNN Nghệ An

Mã số thuế: 2900907002

Đại diện là :

Ông Nguyễn Ngọc Hiếu Chức vụ: Hiệu trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm Chức vụ: Trưởng phòng TCKT

Ông Nguyễn Đình Hà Chức vụ: Phó phòng QLCSVC

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B): ………………………..**

Địa chỉ: …………………………….

Điện thoại: …………………………………..

Tài khoản: …………………………………………………

Mã số thuế: ………………………………………

Đại diện là Ông **………………………….** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. E-ĐKCT;

5. E-ĐKC;

6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);

7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: **…………………..đồng** (Bằng chữ: ………………………).

2. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản (theo quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT của hợp đồng của E-HSMT).

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: …………………..

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** ………….. ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thi hành.

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 05 bộ, Chủ đầu tư giữ 04 bộ, Nhà thầu giữ 01 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** |

**PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số ................/HĐKT ngày..................... giữa Trường Đại học Kinh tế Nghệ An và Công ty .................................)

**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung giá hợp đồng** | **Thành tiền** |
| 1 | Giá hàng hoá | VND |
| 2 | Giá dịch vụ liên quan | VND |
| **Tổng cộng giá hợp đồng**  *(Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)* | | **VND** |

***(Bằng chữ: ……………………………)***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** |

**BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA**

| **STT** | **Danh mục hàng hóa** | **Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm** | **Khối lượng** | **Đơn vị tính** | **Mô tả hàng hóa** | **Đơn giá dự thầu**  **(đồng)** | **Thành tiền**  **(đồng)** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | abc |  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm, phí, lệ phí(nếu có)** | | | | | | | |  | |

***(Bằng chữ: ……………………..***

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** |

ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Định nghĩa | Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại E-ĐKCT;  1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;  1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại E-ĐKCT;  1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong E-HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong E-HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong E-HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;  1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;  1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);  1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;  1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;  1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;  1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;  1.11. "Địa điểm dự toán" là địa điểm được quy định tại E-ĐKCT. |
| 2. Thứ tự ưu tiên | Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:   * 1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);   2. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;   3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;   4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;   5. Điều kiện chung của hợp đồng;   6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);   7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);   2.8. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT. |
| 3. Luật và ngôn ngữ | Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt. |
| 4. Ủy quyền | Trừ khi có quy định khác nêu tại E-ĐKCT, Chủ đầu tư có thể uỷ quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng hình thức điện tử cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định uỷ quyền sau khi đã thông báo bằng hình thức điện tử cho Nhà thầu. |
| 5. Thông báo | 5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng hình thức điện tử, theo địa chỉ quy định tại E-ĐKCT.  5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn. |
| 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng | 6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại E-ĐKCT.  6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 7. Nhà thầu phụ | 7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.  Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.  7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT.  7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại E-ĐKCT. |
| 8. Giải quyết tranh chấp | 8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.  8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại E-ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại E-ĐKCT. |
| 9. Phạm vi cung cấp | Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV và được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó. |
| 10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ | Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 11. Trách nhiệm của Nhà thầu | Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 E-ĐKC. |
| 12. Loại hợp đồng | Loại hợp đồng: Trọn gói. |
| 13. Giá hợp đồng | 13.1. Giá hợp đồng được ghi tại E-ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá hợp đồng là trọn gói và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;  13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục. |
| 14. Điều chỉnh thuế | Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. |
| 15. Tạm ứng | 15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại E-ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.  15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.  15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán. |
| 16. Thanh toán | 16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại E-ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.  16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND. |
| 17. Bản quyền | Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư. |
| 18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng | 18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng hình thức điện tử của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.  18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng hình thức điện tử của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 18.1 E-ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.  18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 E-ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. |
| 19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn | Hàng hóa và dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Chương V; nếu ở Chương V không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ. |
| 20. Đóng gói hàng hoá | Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại E-ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. |
| 21. Bảo hiểm | Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại E-ĐKCT. |
| 22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh | Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại E-ĐKCT. |
| 23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa | 23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại E-ĐKCT.  23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.  23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 E-ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng. |
| 24. Bồi thường thiệt hại | Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại E-ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại E-ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC. |
| 25. Bảo hành | 25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác trong E-ĐKCT. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.  25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa được nêu trong E-ĐKCT. |
| 26. Bất khả kháng | 26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.  26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng hình thức điện tử cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.  Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.  26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.  Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 E-ĐKC. |
| 27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng | 27.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:  a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;  b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;  c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;  d) Thay đổi địa điểm giao hàng;  đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;  e) Các nội dung khác quy định tại E-ĐKCT.  27.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng. |
| 28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng | Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:  28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;  28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;  28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự toán thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự toán thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;  28.4. Các trường hợp khác quy định tại E-ĐKCT. |
| 29. Chấm dứt hợp đồng | 29.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:  a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;  b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;  c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;  d) Các hành vi khác quy định tại E-ĐKCT.  29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.  29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 29.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật. |

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

|  |  |
| --- | --- |
| E-ĐKC 1.1 | Chủ đầu tư là: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An |
| E-ĐKC 1.3 | Nhà thầu: Công ty TNHH phát triển công nghệ Phong Vũ |
| E-ĐKC 1.11 | Địa điểm giao hàng cuối cùng là: Phòng Thư viện Trường Đại học Kinh tế Nghệ An; Địa chỉ: Số 51, đường Lý Tự Trọng, khối 12, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| E-ĐKC 2.8 | Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng:  1) E-HSDT của Công ty TNHH phát triển công nghệ Phong Vũ  2) Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 13/12/2022;  3) Quyết định số 1429/QĐ-ĐHKTNA ngày 16/12/2022 của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An;  4) Thông báo số 1430/TB-ĐHKTNA ngày 16/12/2022 của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An;  5) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;  6) Phụ lục hợp đồng và các tài liệu có liên quan. |
| E-ĐKC 4 | Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác. |
| E-ĐKC 5.1 | Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây:  Người nhận: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An  Địa chỉ: Số 51, đường Lý Tự Trọng, khối 12, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An  Điện thoại: 02388 692 096 |
| E-ĐKC 6.1 | - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Thư bảo lãnh do Ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu theo, Mẫu số 23 Chương VIII, E-HSMT.  - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2.100.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng)  - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: ≥ 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; hoặc cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định  - Thời điểm nộp bảo lãnh: ≤ 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. |
| E-ĐKC 6.2 | Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: ≤ 20 ngày kể từ khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. |
| E-ĐKC 7.1 | Danh sách nhà thầu phụ: Không |
| E-ĐKC 7.3 | Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ [ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không |
| E-ĐKC 8.2 | - Thời gian để tiến hành hòa giải: Theo quy định của Pháp luật  - Giải quyết tranh chấp: Theo quy định của Pháp luật trên cơ sở thượng tôn Pháp luật, đảm bảo quyền/lợi ích chính đáng của các bên có liên quan |
| E-ĐKC 10 | Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: Thông báo bằng văn bản về thời điểm bắt đầu tổ chức vận chuyển, lắp đặt. |
| E-ĐKC 13.1 | Giá hợp đồng: **70.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng).  - Giá trên là trọn gói, đã bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu. |
| E-ĐKC 14 | Điều chỉnh thuế: Được phép, trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng |
| E-ĐKC 15.1 | Tạm ứng: không |
| E-ĐKC 16.1 | Phương thức thanh toán:  - Chuyển khoản;  - Số lần thanh toán: Một lần khi hoàn thành hợp đồng;  - Thời hạn thanh toán: Tối đa không quá 20 ngày kể từ khi Nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu.  - Chứng từ thanh toán: Biên bản nghiệm thu, hóa đơn GTGT và các tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng |
| E-ĐKC 20 | Đóng gói hàng hóa: Nguyên niêm phong của nhà sản xuất |
| E-ĐKC 21 | Nội dung bảo hiểm: Thuộc trách nhiệm của nhà thầu. |
| E-ĐKC 22 | - Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:  Nhà thầu có trách nhiệm vận chuyên, cung cấp, và lắp đặt hoàn chỉnh tại Phòng Thư viện Trường Đại học Kinh tế Nghệ An; Địa chỉ: Số 51, đường Lý Tự Trọng, khối 12, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An |
| E-ĐKC 23.1 | Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa:  - Kiểm tra niêm phong của nhà sản xuất;  - Kiêm tra thông tin theo hợp đồng và thông tin trên bao bì và trên hàng hóa |
| E-ĐKC 24 | Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá trị thiệt hại, nếu có  - Phạt hợp đồng tối đa không quá 8%;  - Khấu trừ: Khấu trừ 1 lần khi thanh toán (chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu bị phạt hợp đồng) |
| E-ĐKC 25.1 | Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Chất lượng mới 100%, chưa qua sử dụng |
| E-ĐKC 25.2 | Yêu cầu về bảo hành:  - Thời hạn bảo hành: 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu.  - Nhà thầu thực hiện biện pháp đảm bảo bằng thư bảo lãnh, với giá trị 5% giá trị hợp đồng.  - Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: theo quy định của nhà sản xuất thiết bị. Trường hợp thiết bị gửi bảo hành kéo dài quá 15 ngày, nhà thầu phải đổi mới thiết bị tương đương (cùng hãng sản xuất, chất lượng mới, năm sản xuất từ 2021 trở về sau) |
| E-ĐKC 27.1(e) | Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: |
| E-ĐKC 28.4 | Các trường hợp khác: Theo thực tế |
| E-ĐKC 29.1(d) | Các hành vi khác: Theo thực tế |

Mẫu số 23

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG(1)**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ PHONG VŨ (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu: Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm thiết bị dạy học phục vụ các hoạt động chuyên môn của Trường Đại học Kinh tế Nghệ An và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); (2)

Theo quy định trong E-HSMT *(hoặc hợp đồng)*, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_*[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_*[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_*[ghi địa chỉ của ngân hàng*(3)*]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là **2.100.000 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, một trăm nghìn đồng) theo *quy định tại Mục 6.1* ***E-ĐKCT*** *của E-HSMT*.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn **2.100.000 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, một trăm nghìn đồng) như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày\_\_\_tháng 12 năm 2022(4).

|  |
| --- |
| **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  *[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

*Ghi chú:*

*(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.*

*(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:*

*“Theo đề nghị của \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu] (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_[ghi tên gói thầu] đã ký hợp đồng số\_\_[ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”*

*(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.*

*(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1* ***E-ĐKCT****.*

**Mẫu số 24**

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG** (1)

\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm 2022

Kính gửi: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

(sau đây gọi là Chủ đầu tư )

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong E-ĐKCT của hợp đồng, CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ PHONG VŨ, có địa chỉ tại: Lô số 9, liền kề chu ng cư dầu khí- đường 72m, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng: **34.300.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tư triệu, ba trăm nghìn đồng) cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng*(2)*]* (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá **34.300.000 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tư triệu, ba trăm nghìn đồng) *như yêu cầu quy định tại Mục 15.1 E-ĐKCT của hợp đồng của E-HSMT.*

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (3) hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Căn cứ E-ĐKCT của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 **E-ĐKCT**.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.